

Thanh Xuân, ngày 30 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
(Theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT ngày 03/6/2024)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Công văn số 1980/SGDĐT-KHTC ngày 21/6/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc thực hiện Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Trường THCS Thanh Xuân báo cáo kết quả thực hiện công khai trong nhà trường năm 2025; cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Thanh Xuân.

2. Cổng thông tin điện tử

- Địa chỉ: Số 203 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại liên hệ: 024.38521818.

- Địa chỉ trang tin điện tử: thcsthanhxuan.pgdthanhxuan.edu.vn

- Địa chỉ hòm thư điện tử: c2thanhxuan@pgdthanhxuan.edu.vn

3. Loại hình của nhà trường

- Cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao theo Quyết định số 6782/QĐ-UBND ngày 13/12/2018 của UBND Thành phố Hà Nội.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND quận Thanh Xuân.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng được môi trường học tập về nề nếp, kỷ cương, an toàn, hạnh phúc, đảm bảo chất lượng giáo dục cao, tiến tới Hội nhập Quốc tế.

4.2. Tầm nhìn

Là một trong những trường đạt tiêu chí chất lượng cao nằm trong top

đầu của Thủ đô; nơi hội tụ học sinh với mục tiêu giáo dục "Nhân cách - Tri thức - Kỹ năng"; là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn lên và khẳng định niềm tin với xã hội về chất lượng đào tạo, giáo dục toàn diện.

4.3. Giá trị cốt lõi

Đoàn kết, trung thực, sáng tạo, nhân ái, trách nhiệm, "Nhân cách - Tri thức - Kỹ năng", hội nhập Quốc tế.

4.4. Phương châm hành động

Tạo dựng trường học an toàn, hạnh phúc và chất lượng, đáp ứng nhu cầu giáo dục của xã hội.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- Trường THCS Thanh Xuân được thành lập theo Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của UBND quận Thanh Xuân.
- Tháng 12/2018, trường được UBND thành phố Hà Nội công nhận trường đạt tiêu chí chất lượng cao theo Quyết định số 6783/QĐ-UBND.
- Trường đạt Chuẩn Quốc gia và đạt tiêu chí trường chất lượng cao năm học 2018-2019.
- Năm học 2018-2019, trường được Sở GD&ĐT Hà Nội lựa chọn là 1 trong 7 trường THCS thực hiện đề án "Thí điểm đào tạo chương trình song bằng THCS Việt Nam và chứng chỉ IGCSE Cambridge tại các trường THCS trên địa bàn Thành phố Hà Nội".
- Tháng 10/2020 trường chính thức được hệ thống giáo dục Cambridge công nhận là trường quốc tế Cambridge với mã số VN252.
- Năm học 2023-2024 được Sở GD&ĐT Hà Nội đánh giá kiểm định chất lượng cấp độ III, chuẩn Quốc gia mức độ II.
- Năm học 2024-2025 trường đạt danh hiệu Cờ thi đua Thành phố.
- Tập thể lao động xuất sắc nhiều năm liên tục.
- Chi bộ hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ từ khi thành lập đến nay.
- Công đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- Liên đội mạnh cấp Trung ương.
- Xếp loại xuất sắc về công tác y tế, chăm sóc sức khỏe.
- Trường được công nhận Tiên tiến Xuất sắc về TDTT cấp Thành phố.
- Trường được công nhận là trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích nhiều năm liên tục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

- Bà Nguyễn Thanh Huyền - Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Số điện thoại: 0985738768

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường: Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của UBND quận Thanh Xuân về việc thành lập trường THCS Thanh Xuân.

b. Danh sách hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh Hội đồng trường
1.	Nguyễn Thanh Huyền	Bi thư chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch
2.	Trần Minh Thuyết	Phó Bí thư chi bộ - Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3.	Phùng Quỳnh Nga	Chi ủy chi bộ - Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
4.	Đinh Thị Sen	Thư ký HĐSP	Thư ký
5.	Trương Thị Thu Hiền	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
6.	Hoàng Thị Nguyên	Tổ trưởng tổ Toán - Tin	Thành viên
7.	Phạm Thanh Tuyên	Tổ trưởng tổ Văn - GDCD	Thành viên
8.	Đào Thị Luân	Tổ trưởng tổ Tự nhiên II	Thành viên
9.	Hà Thị Thơm	Tổ trưởng tổ Ngoại ngữ	Thành viên
10.	Trần Thị Tâm	Tổ trưởng tổ văn phòng	Thành viên
11.	Ngô Thị Minh Châu	Trưởng ban TTND	Thành viên
12.	Phùng Chí Trường	Bí thư Đoàn thanh niên	Thành viên
13.	Trần Thanh Tâm	Phó Chủ tịch phường Thanh Xuân Trung	Thành viên
14.	Vũ Thị Thanh Hoa	Trưởng Ban đại diện CMHS	Thành viên
15.	Hoàng Phương Hà	Liên đội trưởng- Đại diện HS 8A7	Thành viên

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

- Bà Nguyễn Thanh Huyền được bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THCS Thanh Xuân theo Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 18/07/2023 của UBND quận Thanh Xuân.

- Ông Trần Minh Thuyết được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Thanh Xuân theo Quyết định số 2594/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND quận Thanh Xuân.

- Bà Phùng Quỳnh Nga được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Thanh Xuân theo Quyết định số 4096/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND quận Thanh Xuân.

d. Quy chế làm việc của nhà trường

- Căn cứ theo Luật giáo dục số 43//2019/QH14 ngày 14/6/2024.

- Căn cứ theo Thông tư số 32/2020/TT- BGDDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT về ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

8. Các văn bản khác được niêm yết công khai tại phòng Hội đồng

- Quy chế dân chủ.
- Chiến lược phát triển của nhà trường.
- Các nghị quyết của Hội đồng trường.
- Quy chế chi tiêu nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Thông kê đội ngũ giáo viên, nhân viên toàn thời gian theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo, chuẩn nghề nghiệp và hoàn thành bồi dưỡng hàng năm:

TT	Đội ngũ giáo viên	Số lượng	Trình độ				Chuẩn nghề nghiệp				Hoàn thành Bồi dưỡng hàng năm	
			Cao đẳng	Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	SL Khá	Tỉ lệ %	SL Tốt	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Cán bộ quản lý											
	Hiệu trưởng	1			1				1	100%	1	100%
	Phó Hiệu trưởng	2			2				2	100%	2	100%
2	Giáo viên	0										
	Giáo viên THCS hạng I	0										
	Giáo viên THCS hạng II	23		15	8				23	100%	23	100%
	Giáo viên THCS hạng III	22		15	7				22	100 %	22	100%
	Giáo viên HĐ	16		9	7				16	100 %	16	100%
3	Nhân viên											
	Thiết bị thí nghiệm	2	1	1							2	100%
	Thư viện	1		1							1	100%
	Kế toán	1		1							1	100%
	Thủ quỹ											
	Văn thư	2	1	1							2	100%
	Y tế học đường	1	1								1	100%
	Bảo vệ	4									4	100%
	Tổng	75	3	43	25				64		75	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Thông tin về cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	33	1.43 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	33	1.43 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	10	0.06 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	
7	Bình quân lớp/phòng học	0.8	
8	Bình quân học sinh/lớp	40 HS/lớp	
III	Số điểm trường	01	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	6.728 m ²	1.73 m ² /học sinh
V	Tổng diện tích sân chơi bãi tập (m ²)	2000 m ²	0.52 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	2580 m ²	0.49 m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	1980 m ²	0.43 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn	600 m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	500 m ²	0.09 m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục thể chất) (m ²)	500 m ²	0.37 m ² /học sinh
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội (m ²)	30 m ²	0.02 m ² /học sinh
	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (đơn vị tính bộ)		
	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu có quy định	99	
	Khối lớp 6	27	
	Khối lớp 7	24	
	Khối lớp 8	24	
	Khối lớp 9	24	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	32	
	Khối lớp 6	07	
	Khối lớp 7	09	

	Khối lớp 8	05	
	Khối lớp 9	11	
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	166	
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
	Tivi	2	
	Cát xét	0	
	Đầu Video/ đầu đĩa	0	
	Máy chiếu OverHead/ projector/ vật thể	43	
	Thiết bị khác...		

2. Danh mục sách giáo khoa

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 6

Sử dụng trong trường THCS Thanh Xuân năm học 2024-2025

STT	TÊN SÁCH	TÊN BỘ SÁCH LỰA CHỌN
1	Toán 6/1	Cánh diều
2	Toán 6/2	Cánh diều
3	Ngữ văn 6/1	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Ngữ văn 6/2	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Tiếng Anh 6	Friends Plus-Student Book
6	Lịch sử và Địa lí 6	Chân trời sáng tạo
7	Công nghệ 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Tin học 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Giáo dục thể chất 6	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 6	Chân trời sáng tạo
11	Khoa học tự nhiên 6	Chân trời sáng tạo
12	Công nghệ	Kết nối tri thức với cuộc sống
13	Mĩ thuật 6	Chân trời sáng tạo (bản 1)
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6	Chân trời sáng tạo
15	Giáo dục công dân 6	Chân trời sáng tạo

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7

Sử dụng trong trường THCS Thanh Xuân năm học 2024-2025

STT	TÊN SÁCH	TÊN BỘ SÁCH LỰA CHỌN
1	Toán 7/1	Cánh diều
2	Toán 7/2	Cánh diều
3	Ngữ văn 7/1	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Ngữ văn 7/2	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Tiếng Anh 7	Friends Plus-Student Book
6	Lịch sử và Địa lí 7	Chân trời sáng tạo
7	Công nghệ 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Tin học 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Giáo dục thể chất 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 7	Chân trời sáng tạo
11	Khoa học tự nhiên 7	Chân trời sáng tạo
12	Công nghệ 7	Kết nối tri thức với cuộc sống
13	Mĩ thuật 7	Chân trời sáng tạo (bản 1)
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7	Chân trời sáng tạo
15	Giáo dục công dân 7	Chân trời sáng tạo

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 8

Sử dụng trong trường THCS Thanh Xuân năm học 2024-2025

STT	TÊN SÁCH	TÊN BỘ SÁCH LỰA CHỌN
1	Toán 8/1	Cánh diều
2	Toán 8/2	Cánh diều
3	Ngữ văn 8/1	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Ngữ văn 8/2	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Tiếng Anh 8	Friends Plus-Student Book
6	Lịch sử và Địa lí 8	Chân trời sáng tạo
7	Công nghệ 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Tin học 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Giáo dục thể chất 8	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 8	Chân trời sáng tạo
11	Khoa học tự nhiên 8	Chân trời sáng tạo
12	Công nghệ 8	Kết nối tri thức với cuộc sống

13	Mĩ thuật 8	Chân trời sáng tạo (bản 1)
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 8	Chân trời sáng tạo
15	Giáo dục công dân 8	Chân trời sáng tạo

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9

Sử dụng trong trường THCS Thanh Xuân năm học 2024-2025

STT	TÊN SÁCH	BỘ SÁCH
1	Toán 9/1	Cánh diều
2	Toán 9/2	Cánh diều
3	Ngữ văn 9/1	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Ngữ văn 9/2	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Tiếng Anh 9	Friends Plus-Student Book
6	Lịch sử và Địa lí 9	Chân trời sáng tạo
7	Công nghệ 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Tin học 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Giáo dục thể chất 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 9	Chân trời sáng tạo
11	Khoa học tự nhiên 9	Chân trời sáng tạo
12	Công nghệ 9	Kết nối tri thức với cuộc sống
13	Mĩ thuật 9	Chân trời sáng tạo (bản 1)
14	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9	Chân trời sáng tạo
15	Giáo dục công dân 9	Chân trời sáng tạo

V. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội (SGDDT Hà Nội)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng:

- Mức độ đạt kiểm định: cấp độ III.

- Thời gian hiệu lực: 5 năm, từ ngày 22 tháng 12 năm 2023 đến ngày 22 tháng 12 năm 2028.

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học

1.1. Kế hoạch tuyển sinh: Nhà trường thực hiện Kế hoạch tuyển sinh số 76/KH-THCSTX ngày 27/03/2025 của Phòng GD&ĐT quận Thanh Xuân phê duyệt; cụ thể:

I. Chỉ tiêu: 360 học sinh (9 lớp).

II. Độ tuổi và điều kiện tuyển sinh

1. Độ tuổi

Tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (sinh năm 2014). Các trường hợp sớm, muộn so với tuổi quy định sẽ được xem xét cụ thể.

2. Đối tượng tuyển sinh: Học sinh hoặc bố, mẹ, người giám hộ học sinh hiện đang thường trú tại Hà Nội, đã hoàn thành chương trình Tiểu học.

III. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển kết hợp với đánh giá năng lực.

1. Xét tuyển

** Điều kiện dự tuyển:*

- Điểm các bài kiểm tra định kỳ cuối năm các môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh đạt từ 9 điểm/môn trở lên, cụ thể:

+ Môn Toán, Tiếng Việt: lớp 1, 2, 3, 4, 5;

+ Môn Tiếng Anh: lớp 3, 4, 5.

** Cách tính điểm xét tuyển:*

- Tính điểm cuối năm của các năm học lớp 1, 2, 3, 4, 5 đối với môn Toán, Tiếng Việt và điểm môn Tiếng Anh lớp 3, 4, 5.

- Tổng điểm xét tuyển hồ sơ tối đa là 10 điểm (mỗi năm học được tính 2 điểm), trong đó:

- Lớp 1, 2: Tính điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học môn Toán và Tiếng Việt.

- Lớp 3, 4, 5: Tính điểm kiểm tra định kỳ cuối năm học môn Toán, Tiếng Việt và Tiếng Anh.

- Mỗi điểm 9 của từng năm học trừ 0,25 điểm trên tổng điểm xét tuyển.

** Điểm ưu tiên:*

- Học sinh được cộng 2 điểm nếu thuộc một trong các đối tượng: Con liệt sĩ; con thương binh mất sức lao động từ 81% trở lên; con bệnh binh mất sức lao động từ 81% trở lên; con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

- Học sinh được cộng 1,5 điểm nếu thuộc một trong các đối tượng: Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động, con của Bà mẹ Việt Nam anh hùng; con thương binh mất sức lao động dưới 81%; con bệnh binh mất sức lao động dưới 81%; con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%”.

- Học sinh được cộng 1,0 điểm nếu thuộc một trong các đối tượng: Người có cha hoặc mẹ là người dân tộc thiểu số; người dân tộc thiểu số; học sinh ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Học sinh có nhiều tiêu chuẩn ưu tiên chỉ được tính theo tiêu chuẩn ưu tiên cao nhất.

2. Đánh giá năng lực

- Thang điểm: Điểm mỗi bài đánh giá năng lực tính theo thang điểm 10. Điểm đánh giá năng lực là tổng điểm các bài đánh giá năng lực.

- Nội dung: Môn Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh thuộc chương trình tiêu học, chủ yếu nằm trong chương trình lớp 5.

- Hình thức: Học sinh làm bài kiểm tra trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận, trong đó đảm bảo yêu cầu bốn cấp độ nhận thức: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng cấp độ thấp và vận dụng cấp độ cao.

- Thời gian làm bài: 40 phút/bài đánh giá năng lực.

$\text{Điểm tuyển sinh} = \text{Điểm xét tuyển} + \text{Điểm đánh giá năng lực (tính hệ số 2)}$

Trong đó: Điểm xét tuyển = Điểm xét tuyển học bạ + điểm ưu tiên (nếu có).

1.2. Kế hoạch giáo dục

- Thời gian thực học trong một năm học tương đương 35 tuần; Thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các môn học và hoạt động giáo dục: Ngữ văn; Toán; Ngoại ngữ 1; Giáo dục công dân; Lịch sử và Địa lý; Khoa học tự nhiên; Công nghệ; Tin học; Giáo dục thể chất; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật); Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Nội dung giáo dục địa phương. Tất cả các khối học 2 buổi/ ngày.

- Chương trình học:

STT	Chương trình học	Đơn vị liên kết	Khối lớp	Ghi chú
1	Chương trình giáo dục phổ thông 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.		6,7,8,9	
2	Chương trình nâng cao bổ sung của trường chất lượng cao môn Toán, Ngữ văn, Tiếng anh.		6,7,8,9	
3	Ngoại ngữ 2: Tiếng Nhật, Tiếng Đức, Tiếng Hàn, Tiếng Trung.	Trung tâm Ngoại ngữ Bình Minh - Hinode.	6,7,8,9	
4	Kỹ năng sống.	Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội	6,7,8	
5	Tiếng anh tăng cường với giáo viên nước ngoài	Trung tâm ngoại ngữ Atlantic Five-star English.	6,7,8,9	
6	Giảng dạy Tiếng anh thông qua bộ môn Toán	Trung tâm Ngoại ngữ STEAM360 thuộc Công ty Cổ phần Giáo dục GMaths	6,7,8	
7	Câu lạc bộ: STEM, Nghệ thuật, TDTT.		6,7,8	

1.3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc giáo dục học sinh

- Nhà trường phối hợp chặt chẽ với gia đình và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn phường làm tốt công tác giáo dục trong và ngoài nhà trường.

- Học sinh thực hiện tốt nội quy nhà trường, nội quy sử dụng phòng học bộ môn...

2.2 Kết quả giáo dục thực tế năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo kết quả rèn	1.335	369	351	334	281

	luyện					
1	Tốt	1.335	369	351	334	281
2	Khá	0	0	0	0	0
3	Đạt	0	0	0	0	0
4	Chưa đạt	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo kết quả học tập	1.335	369	351	334	281
1	Tốt	1317	367	344	327	279
2	Khá	17	1	7	7	2
3	Đạt	1	1	0	0	0
4	Chưa đạt	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp	1.335	369	351	334	281
a	Học sinh Xuất sắc	620	185	178	135	122
b	Học sinh Giỏi	697	182	166	192	157
2	Thi lại	0	0	0	0	0
3	Lưu ban	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi	9/2	7/0	0/1	2/1	0/0
5	Bị đuổi học	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (cộng cả nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	1596	483	427	417	269
1	Cấp Quận	408	112	108	88	100
2	Cấp thành phố	32	7	1	7	17
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	1156	363	318	322	153
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	281	0	0	0	281
1	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	281	0	0	0	281
VI	Số học sinh được	281	0	0	0	281

	công nhận tốt nghiệp					
1	Tốt	279	0	0	0	279
2	Khá	2	0	0	0	2
3	Đạt	0	0	0	0	0
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	700/635	202/167	175/176	186/148	137/144
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	11	4	5	1	1

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

1. Kết quả thu chi hoạt động

Đơn vị tính: Triệu đồng./.

STT	Chỉ số thống kê	Năm trước liền kề năm báo cáo (Theo số liệu quyết toán tài chính năm 2024)
01	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	1,618
1.1	Học phí:	1,528
+	Học phí chương trình Song bằng	280
+	Học phí chương trình chất lượng cao	1,248
1.2	Thu khác theo QĐ51:	69
+	Chăm sóc bán trú	69
1.3	Lãi tiền gửi	19
02	Thu trong năm	47.349
2.1	Học phí	44.733
+	Học phí chương trình Song bằng	1.288
+	Học phí chương trình chất lượng cao	43.445
2.2	Thu khác theo QĐ51:	2.432
+	Chăm sóc bán trú	2.432
2.3	Học CLB hè	74
2.4	Lãi tiền gửi, cơ sở vật chất và các khoản thu khác	109
03	Chi trong năm	40.800
3.1	Học phí	38.363
+	Học phí chương trình Song bằng	1.332

STT	Chỉ số thống kê	Năm trước liền kề năm báo cáo (Theo số liệu quyết toán tài chính năm 2024)
+	Học phí chương trình chất lượng cao	35.463
+	Trích nguồn Cải cách tiền lương từ HP	1.568
3.2	Chi từ thu khác theo QĐ51:	2.355
+	Chăm sóc bán trú	2.355
3.3	Học CLB hè 2024	65
3.4	Lãi tiền gửi, cơ sở vật chất và các khoản thu khác	15
	Trong đó	
	- Chi tiền lương, phụ cấp, thu nhập tăng thêm và các khoản có tính chất tiền lương cho cán bộ, giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên	14.265
	- Chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị.	1.089
	- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng...) chi khác	270
	- Chi khác	25.175
04	Chênh lệch thu lớn hơn chi (01+02-03)	8.167
4.1	Học phí	7.898
+	Học phí chương trình Song bằng	236
+	Học phí chương trình chất lượng cao	7.661
4.2	Thu khác theo QĐ51:	146
+	Chăm sóc bán trú	146
4.3	Học CLB hè	8
4.5	Lãi tiền gửi, cơ sở vật chất và các khoản thu khác	113
05	Nộp ngân sách nhà nước	921
06	Nộp cấp trên	
07	Bổ sung nguồn kinh phí	
08	Trích lập các quỹ	7.005
-	Quỹ bổ sung thu nhập, Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	3.882
-	Quỹ phúc lợi	1.200
-	Quỹ khen thưởng	100
-	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	1.823

STT	Chỉ số thống kê	Năm trước liền kề năm báo cáo (Theo số liệu quyết toán tài chính năm 2024)
09	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối năm (09=04-05-06-07-08)	240
9.1	Học phí	236
-	Học phí chương trình Song bằng	236
9.2	Lãi tiền gửi	4

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

TT	Chỉ số thống kê	Dự kiến mức thu Năm học 2025-2026	Năm trước liền kề năm báo cáo (Năm học 2024-2025)
1	Học phí Chất lượng cao		
	Khối 6	4,200,000đ/hs/tháng	4,000,000đ/hs/tháng
	Khối 7	4,200,000đ/hs/tháng	4,000,000đ/hs/tháng
	Khối 8	4,200,000đ/hs/tháng	4,000,000đ/hs/tháng
	Khối 9	4,000,000đ/hs/tháng	3,700,000đ/hs/tháng
2	Chăm sóc bán trú	235,000đ/hs/tháng	235,000đ/hs/tháng
3	Suất ăn bán trú (thu hộ - chi hộ)	38.000đ/hs/ngày	38.000đ/hs/ngày
4	Bảo hiểm y tế (thu hộ - chi hộ)	631.800đ/hs/năm	884.520đ/hs/năm

- Trên đây là mức thu học phí dự kiến năm học 2025-2026 của nhà trường, căn cứ theo mức thu học phí chất lượng cao được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua, nhà trường sẽ thông báo công khai khi có văn bản và thông báo cụ thể tới Phụ huynh học sinh (mức thu có thể bằng hoặc thấp hơn mức thu dự kiến đã được xây dựng)

- Dự kiến hàng năm, căn cứ vào số lượng học sinh, tình hình thực tế và các văn bản hướng dẫn theo từng năm học, mức thu học phí tăng không vượt quá 10% so với năm liền kề nhưng không vượt quá mức trần học phí chất lượng cao do Hội đồng nhân dân thành phố quy định.

- Các khoản thu khác sẽ thu theo văn bản hướng dẫn từng năm học nhưng đảm bảo giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo được điều chỉnh theo lộ trình phù hợp tương xứng với chất lượng dịch vụ giáo dục, đào tạo nhưng tỷ lệ tăng mức giá dịch vụ không quá 15%/năm.

- Khi có thay đổi tới các nội dung liên quan, nhà trường sẽ thực hiện cập nhật và thông báo tới Cha mẹ học sinh.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

Nhà trường thực hiện miễn học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo

Nhà trường không có trường hợp nào học sinh thuộc đối tượng được miễn học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 trong năm học 2024-2025.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

TT	Nội dung	Số dư chuyển năm 2025 (Đơn vị tính: đồng)
1	Quỹ phát triển sự nghiệp	8,322
2	Quỹ bổ sung thu nhập	453
4	Quỹ khen thưởng	137
5	Quỹ phúc lợi	244
	Cộng	9,158

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở: Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thành tích trong hoạt động phong trào

Ngoài các thành tích được đánh giá nêu trên, trong năm học 2024-2025, nhà trường đã tổ chức cuộc thi "*Tranh biện tiếng Anh*"; Cuộc thi HSSV với ý tưởng khởi nghiệp lần thứ VII năm 2025 cấp Quốc gia đạt 03 giải (01 giải Nhất, 01 giải Nhì, 01 giải Ba). Cuộc thi Thiết kế Poster Giáo dục toàn cầu UniCEP 2024: đạt 54 giải (Trong đó 04 HS đạt Huy chương Vàng, 12 HS đạt Huy chương Bạc, 03 HS đạt Huy chương Đồng, 35 HS đạt giải KK). Chung kết Ngày hội Bảng Vàng Ghi Danh toàn quốc lần thứ 5 năm học 2024-2025 đạt 05 giải (01 giải Thám Hoa, 04 giải Trạng Nguyên đồng đội môn Toán). Cuộc thi vẽ tranh Bác Hồ với Thiếu nhi - Thiếu nhi với Bác Hồ đạt giải Ba cấp Quận năm 2025. Cuộc thi "Tìm kiếm tài năng Thanh Xuân" lần thứ IV năm 2024 đạt giải Quán quân và

giải Ấn tượng. Liên đội trưởng Liên đội trường THCS Thanh Xuân vinh dự là 1 trong 80 đội viên tiêu biểu được nhận Bằng khen của Thành đoàn Hà Nội vì có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào “Thiếu nhi Thủ đô thi đua làm theo 5 điều Bác Hồ dạy” năm 2025. Thi “Vẽ tranh của thiếu niên, nhi đồng về Chiến thắng Điện Biên Phủ và hình ảnh Điện Biên Phủ hôm nay” năm 2024 Có 01 HS đạt giải Nhì cấp Quốc gia. Cuộc thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên, nhi đồng toàn quốc lần thứ 20 năm 2024 đạt 03 giải (01 giải Nhì, 02 giải Ba) cấp Quốc gia.

- **Tổ chức Đảng:** Năm 2024 được Đảng bộ phường Thanh Xuân Trung đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao (Thông báo số 131-TB/ĐU ngày 06/12/2024 của Đảng ủy phường Thanh Xuân Trung).

- **Tổ chức Công đoàn:** Năm học 2024-2025 được Liên đoàn lao động quận Thanh Xuân đánh giá tập thể hoàn thành xuất sắc (Quyết định số 45/QĐ-LĐLĐ ngày 16/5/2025 của Liên đoàn lao động quận Thanh Xuân).

- **Tổ chức Đoàn thanh niên:** Năm học 2024-2025 được Ban chấp hành Đoàn phường Thanh Xuân Trung đánh giá Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ (Quyết định số 43/QĐ-ĐTN ngày 12/5/2025).

- **Công tác Thư viện:** Nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu quả phòng Thư viện sẵn có, chỉnh trang, bổ sung các thiết bị hiện đại. Trong nhiều năm qua, trường luôn được đánh giá là Thư viện xuất sắc. Năm học 2024-2025, Thư viện trường THCS Thanh Xuân đạt chuẩn mức độ 2.

- Phong trào Chữ thập đỏ, y tế học đường, từ thiện: xếp loại xuất sắc.

- Năm học 2024-2025, trường đã phát động các phong trào nhân đạo từ thiện nhằm giáo dục lòng nhân ái và truyền thống tương thân tương ái cho học sinh; tổng số tiền là 694.365.500đ.

- Năm học 2024-2025: Trường được UBND Thành phố Hà Nội tặng Danh hiệu Cờ thi đua Thành phố.

Trên đây là báo cáo công khai trong hoạt động giáo dục của trường THCS Thanh Xuân theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT.

Nơi nhận:

- Công khai trên trang Web của trường;
- Niêm yết tại bảng tin HĐSP;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Huyền

